

DANH SÁCH CỬ TỬ - NHÂN CHÍNH - TRÍ CÔNG - SẢN VIỆT - NAM TẠI SECTION "O"
PANAT NIKHOM, CHONBURI 20140 THAILAND (Danh sách Bà^o lúc 67 người)

STT	Họ và Tên số, quân cấp Bậc	Năm Sinh	Họ Tên Cha - Năm Sinh Họ Tên MẸ - Năm Sinh	Tên của những người cùng đi và năm sinh	Liên Hệ Gia Đình	Ngày đến THAILAND	ĐỊA - CHỈ ²
1	CHU - MANH - BÍCH Sq: 65/600.672 Đại - úy	1945	Chu minh KÍNH - 1916 (chết) Đinh thị NGUYỆT (chết)	Phan thị Ngọc OANH - 1943 Chu minh Phương THẢO - 1971 Chu mạnh ĐỨC - 1972 Chu minh Quỳnh CHI - 1973	Vợ Con Con Con	27.3.1989	BT. 8296, House 3 C 37, P.O.Box 18, Panat Nikhom, CHONBURI 20.140 - THAILAND. SECTION "O"
2	LÃNG - TÂN - HUỆ Sq: 63/139.982 Đại úy	1943	Lãng thị NGUYỆT - 1917 (chết) Lê thị ĐIỂM - 1918 (chết)	-	-	2.4.1989	BT. 3161, House 3 C 20
3	ĐOÀN - ĐÌNH - Y Sq: 59/164877 Đại úy	1939	Đoàn đình ĐẾ - 1902 (chết) Sao Mườn - 1910 (chết)	-	-	6.4.1989	BT. 3520, House 3 C 1
4	NGUYỄN - VĂN - CHIẾN Sq: 66/167848 Đại - úy	1946	Nguyễn văn CHẤT - 1911 (sống) Trần thị CHĂNG - 1923 (sống)	Huỳnh thị VIỄN - 1959. Nguyễn Thị Thanh - CHI - 1983 Nguyễn - thị - Thanh - VY - 1987 Nguyễn - thị - Thanh - LAN - 1990	Vợ Con Con Con.	18/3/1989	BT. 3099, House 3 C 12
5	BUI - CẢNH - KIÊM Sq: 60A/139.033 Đại - úy	1940	Bùi Hữu Loan - 1908 (chết) Nguyễn thị TRÚC - 1905 (sống)	Bùi cảnh PHONG - 1969 Lương ngọc BÌNH - 1966	Cháu Rớt Cháu Rớt	19/4/1989	BT. 3725, House 3 C 10 BT 3726. (Đi cùng nhưng (Chưa Form.)
6	LÊ - TÂN - HÓN Sq: 63/124.379 Trung - úy	1943	Lê Tân Hậu - 1909 (chết) Đặng thị KIỀU - 1911 (sống)	-	-	17.3.1989	BT. 3384, House 3 C 30
7	HÀ - VĂN - DƯƠNG Sq: 67/805.694 Trung úy	1947	Hà văn BỆNH - 1910 (chết) Hà thị Lớn - 1922 (chết)	-	-	17.4.1989	BT. 3553, House 3 C 30
8	ĐẶNG - VŨ - GIANG Sq: 64/601.736 Trung úy	1944	Đặng vũ LŨY (chết) Đào thị BÁC - 1923 (sống)	Đặng vũ LINH - 1974	con	18.3.1989	BT. 3090, House 3 C 10
9	NGUYỄN - PHƯỚC - THẢO ĐC: 73457 Trung úy Cảnh Sát	1938	Nguyễn văn GIÁC - 1890 (chết) Nguyễn thị ĐÀO - 1896 (chết)	-	-	19.4.1989	BT. 3700, House 3 C 24
10	VĂN VĂN - ĐĂNG Số ngạch Cảnh Sát: 3131 Trung úy Cảnh Sát BCH/CS/KH/CANTH8	1923	Văn thừa TẤT - 1890 (chết) Nguyễn thị SỬU - 1902 (chết)	Văn thị Thủy NGA - 1959 Nguyễn - văn - MINH - 1960 Nguyễn - xuân - THIÊN - 1987	Con gái con rể cháu	19.5.1989 -	BT. 3695, House 3 C 16 BT. 3646. (Chưa con nhưng (Chưa Form).)

STT	Họ và Tên Số, quân cấp bậc	Năm sinh	Họ tên cha và năm sinh Họ tên Mẹ và năm sinh	Tên của người cùng đi và năm sinh	Liên hệ Gia đình	Ngày đến Thái Lan	Địa chỉ
11	ĐỖ - VĂN - HIỆP Sq= 70/12H. 708 Trung úy	1950	Đỗ Văn Nhân - 1919 (sống) Đỗ Thị Nhân - 1922 (sống)	Nguyễn Thị Bích Lan - 1956 Đỗ Anh MINH - 1975 Đỗ Minh HOÀNG - 1979 Đỗ Long GIANG - 1981 Đỗ Thị Bích LAN - 1983 Đỗ Tuấn Dũng - 1985 Đỗ Hoàng Thái - 1990	Vợ con con con con con con	28-3-1989	BT. 3262, House 3C18
12	VŨ - TRI' - THUỐC chuyên viên nghiên cứu chứng trình Phát Triển quốc gia Thuộc Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở VN (NDRP)	1926	Vũ Khánh NINH - 1899 (chết) Nguyễn Thị ẤP - 1899 (chết)	Vũ Tri' Tiên - 1959 Vũ Thăng Cường - 1949 Vũ Thế Mạnh - 1951 (Vũ Thăng Đức - 1975)	con con con cháu nội	28.3.1989 Tháng 12.1989	BT. 3265, House 3C22 AT. 50.228 (Khởi BT.)
13	ĐỖ - NGỌC - TOÀN Sq= 69/502 9HO Chiều úy	1949	Đỗ Đình Cảnh - 1914 (chết) Nguyễn Thị Diễm - 1917 (sống)	—	—	14-4-1989	BT. 3467, House 3C32
14	NGUYỄN - BÌNH - MINH 75/214. 831 chuyên úy	1955	Nguyễn Loát - 1923 Dương Thị GÁY - 1926	Vũ Thị Bảo HẠ - 1962	Vợ	9-4-1989	BT. 3257, House 3C16
15	LÊ - VĂN - VẠN Sq= 58/148. 816 Trung úy	1938	Lê Văn THẾ - 1914 (sống) Nguyễn Thị Ngân - 1916 (chết)	Lê Khắc Ngọc TRÁC - 1971	con	19-4-1989	BT. 3728, House 3C9
16	TRẦN - QUANG - TUYẾN Sq= 68/141211 Chiều úy	1948	Trần Inh - 1920 (chết) Phạm Thị Nhữn - 1928 (sống)	—	—	14-4-1989	BT. 3465, House 3C32

Đã được kiểm tra và xác định là người đi
tìm kiếm người thân
Gửi họ qua các bộ tư
liên lạc

16 anh em hỏi viên Trần đã được thành lập và chuyển qua khu "0"
ngược lại với căn. Kiểm tra người xin ở tại hồ sơ.
Đại diện chi hội TNCV tại Phanat Nikhom
Section 8

Nguyễn Văn Tiến

JUN 0 5 1990

TO. BÀ KHUẾ MINH THO.

P.O. BOX 5435, ARLINGTON,

VA. 22205 - 0635,

U.S.A



FROM: CHU VAN TIEN . PST . 922 . H . 2D23 SECTION "S"
PHANAT NIKHOM P.O. BOX. 18 - CHOLBURY 20140

THAILAND

REGISTERED

REGISTERED